| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 138 /TB-CtyMTĐTAG | *An Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2026* |

# THÔNG BÁO

**Về việc báo giá tư vấn: Thực hiện thu mẫu quan trắc môi trường, lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường và Báo cáo giám sát xả thải năm 2027**

**Dự án: Khu chôn lấp hợp vệ sinh số 01 và số 02 (Địa chỉ: ấp Phú An 2, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang); Hố chôn lấp rác hợp vệ sinh (Địa chỉ: xã Chợ Vàm, tỉnh An Giang); Hệ thống xử lý nước thải rỉ rác Kênh 10 Châu Đốc công suất 50m3/ngày.đêm (Địa chỉ: Kênh 10, phường Vĩnh Tế, tỉnh An Giang)**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-STNMT ngày 26/9/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường Xây dựng hố chôn lấp rác hợp vệ sinh;

Căn cứ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 149/GP-STNMT ngày 02/3/2023 về việc cho phép Công ty cổ phần môi trường đô thị An Giang được xả nước thải vào nguồn nước, vị trí nơi xả nước thải: Khu chôn lấp hợp vệ sinh số 01 và số 02;

Căn cứ các Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND ngày 17/6/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cấp phép cho Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bãi rác Kênh 10.

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang có nhu cầu triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện dịch vụ quan trắc, phân tích môi trường nước thải rỉ rác, khí thải, lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường và Báo cáo giám sát xả thải các Dự án của Công ty năm 2027, cụ thể:

- Khu chôn lấp hợp vệ sinh số 01 và số 02 (Địa chỉ: ấp Phú An 2, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang).

- Hố chôn lấp rác hợp vệ sinh (Địa chỉ: xã Chợ Vàm, tỉnh An Giang).

- Hệ thống xử lý nước thải rỉ rác Kênh 10 Châu Đốc công suất 50m3/ngày.đêm (Địa chỉ: Kênh 10, phường Vĩnh Tế, tỉnh An Giang).

Công ty thông báo đến các đơn vị quan trắc môi trường có đủ tư cách pháp nhân quan tâm và cung cấp báo giá, hồ sơ năng lực đến Công ty theo danh mục cụ thể như sau:

- Báo giá quan trắc môi trường nước thải rỉ rác, khí thải, lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường và Báo cáo giám sát xả thải các Dự án của Công ty năm 2027 (báo giá các chỉ tiêu quan trắc và dịch vụ liên quan theo phụ lục kèm theo).

- Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường còn thời hạn.

- Hồ sơ báo giá có niêm phong.

- Thời gian: trước ngày 15/11/2026.

- Địa chỉ: Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang tại số 147, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Bình Đức, tỉnh An Giang.

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang rất mong nhận được sự quan tâm, báo giá của các đơn vị quan trắc thực hiện theo nội dung nêu trên. Nếu có vướng mắc vui lòng liên hệ Phòng Kế hoạch – Vật tư qua số điện thoại 02963 841.072.

Trân trọng!

***Nơi nhận***:
- Tổng Giám đốc Công ty (báo cáo);
- Website của Công ty;
- Lưu: VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 1601604599
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG
P.BÌNH ĐỨC-T.AN GIANG

**TÔ HOÀNG MÔN**

**DANH MỤC**
**CÁC CHỈ TIÊU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

| STT | Chỉ tiêu | Vị trí | Tần suất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Khu chôn lấp hợp vệ sinh số 01 và số 02 (Địa chỉ: ấp Phú An 2, xã Bình Hòa, tỉnh An Giang)** | | | |
| **1** | **Công tác BVMT xây dựng hố chôn lấp rác hợp vệ sinh:** | | | |
| **1.1** | **Giám sát nước thải** | | | |
| | pH | 1 | 4 | 01 lần/quý |
| | SS | 1 | 4 | |
| | COD | 1 | 4 | |
| | $BOD_5$ | 1 | 4 | |
| | Tổng N | 1 | 4 | |
| | Amoni (tính theo N) | 1 | 4 | |
| | Pb | 1 | 4 | |
| | Fe | 1 | 4 | |
| | Hg | 1 | 4 | |
| | Coliform | 1 | 4 | |
| | Lưu lượng thải (chỉ đo khi đáp ứng các điều kiện về mực nước, đường cống thu gom,…) | 1 | 4 | |
| | Tọa độ | 1 | 1 | 01 lần/năm |
| **1.2** | **Giám sát không khí** | | | |
| | CO | 2 | 4 | 01 lần/quý |
| | $NO_2$ | 2 | 4 | |
| | $SO_2$ | 2 | 4 | |
| | $NH_3$ | 2 | 4 | |
| | $H_2S$ | 2 | 4 | |
| | Tọa độ | 2 | 1 | 01 lần/năm |
| **2** | **Giám sát xả thải Khu chôn lấp hợp vệ sinh số 01 và số 02:** | | | |
| **2.1** | **Giám sát nước thải** | | | |

| STT | Chỉ tiêu | Vị trí | Tần suất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | pH | 1 | 4 | |
| | Chất thải rắn (SS) | 1 | 4 | |
| | COD | 1 | 4 | |
| | $BOD_5$ | 1 | 4 | |
| | Tổng N | 1 | 4 | |
| | Amoni (tính theo N) | 1 | 4 | |
| | Pb | 1 | 4 | 01 lần/quý |
| | Fe | 1 | 4 | |
| | Hg | 1 | 4 | |
| | Coliform | 1 | 4 | |
| | Tổng Phốt pho (tính theo P) | 1 | 4 | |
| | Tổng dầu mỡ khoáng | 1 | 4 | |
| | Sunfua | 1 | 4 | |
| | Tọa độ | 1 | 1 | 01 lần/năm |
| **2.2** | **Giám sát nguồn tiếp nhận nước thải** | | | |
| | pH | 1 | 2 | |
| | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | 1 | 2 | |
| | COD | 1 | 2 | |
| | BOD5 | 1 | 2 | |
| | Nitrit ($NO^-_2$ tính theo N) | 1 | 2 | |
| | Tổng Phosphor TP | 1 | 2 | 02 lần/năm |
| | Tổng dầu, mỡ | 1 | 2 | |
| | Amoni (NH4+ tính theo N) | 1 | 2 | |
| | Pb | 1 | 2 | |
| | Fe | 1 | 2 | |

| STT | Chỉ tiêu | Vị trí | Tần suất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | Hg | 1 | 2 | |
| | Tổng Coliforms | 1 | 2 | |
| | Tọa độ | 1 | 1 | 01 lần/năm |
| **3** | **Thực hiện các báo cáo** | | | |
| **3.1** | **Báo cáo công tác BVMT** | | | |
| | Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý I, II, III, IV năm 2027 | | 4 | 01 lần/quý |
| | Lập báo cáo công tác BVMT năm 2027 | | 1 | 01 lần/năm |
| **3.2** | **Báo cáo giám sát xả thải** | | | |
| | Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý I, II, III, IV năm 2027 | | 4 | 01 lần/quý |
| | Lập báo cáo giám sát xả thải năm 2027 | | 1 | 01 lần/năm |
| **II** | **Hố chôn lấp hợp vệ sinh (Địa chỉ: Xã Chợ Vàm, tỉnh An Giang)** | | | |
| **1** | **Giám sát nước thải** | | | |
| | pH | 1 | 4 | 01 lần/quý |
| | Chất rắn lơ lửng (SS) | 1 | 4 | |
| | COD | 1 | 4 | |
| | $BOD_5$ | 1 | 4 | |
| | Tổng N | 1 | 4 | |
| | Amoni (tính theo N) | 1 | 4 | |
| | Pb | 1 | 4 | |
| | Fe | 1 | 4 | |
| | Hg | 1 | 4 | |
| | Lưu lượng thải (chỉ đo khi đáp ứng các điều kiện về mực nước, đường cống thu gom,…) | 1 | 4 | |
| | Tọa độ | 1 | 1 | 01 lần/năm |
| **2** | **Giám sát không khí** | | | |

| STT | Chỉ tiêu | Vị trí | Tần suất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | CO | 2 | 4 | 01 lần/quý |
| | $NO_2$ | 2 | 4 | |
| | $SO_2$ | 2 | 4 | |
| | $NH_3$ | 2 | 4 | |
| | $H_2S$ | 2 | 4 | |
| | Tọa độ | 2 | 1 | 01 lần/năm |
| **4** | **Thực hiện các báo cáo** | | | |
| | Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý I, II, III, IV năm 2027 | | 4 | 01 lần/quý |
| | Lập báo cáo công tác BVMT năm 2027 | | 1 | 01 lần/năm |
| **III** | **Hệ thống xử lý nước thải rỉ rác Kênh 10 Châu Đốc công suất 50m3/ngày.đêm (Địa chỉ: Kênh 10, phường Vĩnh Tế, tỉnh An Giang).** | | | |
| **1** | **Giám sát nước thải** | | | |
| | pH | 1 | 4 | 01 lần/quý |
| | TSS | 1 | 4 | |
| | COD | 1 | 4 | |
| | $BOD_5$ | 1 | 4 | |
| | Amoni ($NH_4^+$ tính theo N) | 1 | 4 | |
| | Tổng nitơ (tính theo N) | 1 | 4 | |
| | Tổng Photpho (tính theo P) | 1 | 4 | |
| | Pb | 1 | 4 | |
| | Fe | 1 | 4 | |
| | Hg | 1 | 4 | |
| | Coliform | 1 | 4 | |
| | Lưu lượng | 1 | 4 | |
| **4** | **Thực hiện các báo cáo** | | | |

| STT | Chỉ tiêu | Vị trí | Tần suất | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | Nhận xét, thông báo kết quả phân tích mẫu quý I, II, III, IV năm 2027 | | 4 | 01 lần/quý |
| | Lập báo cáo công tác BVMT năm 2027 | | 1 | 01 lần/năm |